

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP NĂM 2025

(Ngày 15 tháng 12 năm 2025)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: KHOÀNG THỊ QUÊ Ngày tháng năm sinh: 24/3/1987
- Chức vụ/chức danh công tác: Hiệu trưởng
- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường Mầm non số 2 Sá Tổng
- Nơi thường trú: Tổ 1- Phường Mường Lay - Tỉnh Điện Biên
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 011187001181 ngày cấp: 13/4/2021 nơi cấp Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: ĐIỀU CHÍNH QUÊ Ngày tháng năm sinh: 28/11/1985
- Nghề nghiệp: Giáo viên
- Nơi làm việc⁽⁴⁾: Trường PT DTBT TH&THCS Sá Tổng
- Nơi thường trú: Tổ 1- Phường Mường Lay - Tỉnh Điện Biên
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 011085006947 ngày cấp: 24/06/2021 nơi cấp Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

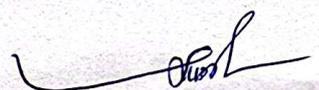
- Họ và tên: ĐIỀU HOÀNG BÁCH Ngày tháng năm sinh: 06/07/2012
- Nơi thường trú: Tổ 1- Phường Mường Lay - Tỉnh Điện Biên
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 011212002725 ngày cấp 19/7/2024 nơi cấp Bộ công an

3.2. Con thứ hai:

- Họ và tên: ĐIỀU BẢO HÂN Ngày tháng năm sinh: 02/11/2015
- Nơi thường trú: Tổ 1- Phường Mường Lay - Tỉnh Điện Biên
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 011315009339 ngày cấp 19/7/2024 nơi cấp Bộ công an

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:



1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thừa thứ nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: Tổ 1- Phường Na Lay - Thị Xã Mường Lay - Tỉnh Điện Biên
- Diện tích⁽⁹⁾: 98,2 m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 100.000.000 (thời điểm mua năm 2020)
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: CE 742380, tên người đại diện: Điều Chính Quê và Khoàng Thị Quê Do ủy ban nhân dân thị xã Mường Lay cấp ngày 28 tháng 8 năm 2020
- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾: Đất tự mua

1.1.2. Thừa thứ 2 (trở lên): không có

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾: Không có

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: Số nhà 13-Tổ 1- Phường Na Lay - Thị Xã Mường Lay - Tỉnh Điện Biên
- Loại nhà⁽¹⁴⁾: Nhà ở riêng lẻ(nhà xây)
- Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾: 98,2 m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 220.000.000 (Thời điểm mua năm 2020)
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: không có
- Thông tin khác (nếu có): Nhà mua làm trên mảnh đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 742380, tên người đại diện: Điều Chính Quê và Khoàng Thị Quê Do ủy ban nhân dân thị xã Mường Lay cấp ngày 28 tháng 8 năm 2020

2.1.1. Nhà thứ 2(trở lên): không có

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾: Không có

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾: Không có

3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾: không có

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾: không có

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất: không có

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ



50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾. Không có

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾. Tiết kiệm tiền mặt 150 triệu đồng từ lương và các khoản phụ cấp của hai vợ chồng.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): Không có

6.1. Cổ phiếu: Không có

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu: Không có

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp⁽²²⁾: Không có

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾: Không có

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾:

- Tên tài sản: 01 xe ô tô con Hyundai – Tucson (mua lại xe cũ đời 2013) Số đăng ký: 27 000097 Giá trị: 300.000.000 đ (tại thời điểm mua năm 2023)

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾: Không có

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾. Không có

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾: Không có

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:.....

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾: Lương và các khoản phụ cấp của hai vợ chồng từ tháng 1 năm 2025 đến tháng 12 năm 2025: 519.864.452 đồng

- Tổng thu nhập của người kê khai: 267.305.420 đồng

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 252.577.032 đồng



- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: Không có

- Tổng các khoản thu nhập chung: Không có

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

| Loại tài sản, thu nhập | Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾ | | Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập |
|---|--|---------------------------|--|
| | Số lượng tài sản | Giá trị tài sản, thu nhập | |
| 1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở | | | |
| 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở | 1 | +300.000.000 | Xây lên tầng 2 tháng 7 năm 2025 từ tiền tiết từ lương và các khoản phụ cấp khác của vợ chồng kiếm và bố mẹ cho |
| 3. Tài sản khác gắn liền với đất | | | |
| 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên | | | |
| 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. Tiết kiệm tiền mặt | +Tiền mặt 150.000.000 | + 150.000.000 | Tiết kiệm từ lương và các khoản phụ cấp khác của vợ chồng |
| 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): | | | |
| 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...). | | | |

| | | | |
|---|--|--------------|---|
| 8. Tài sản ở nước ngoài. | | | |
| 9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai ⁽³²⁾ . | | +519.864.452 | -Lương và các khoản phụ cấp của hai vợ chồng từ tháng 1 đến tháng 12 năm 2025 |

Sá Tổng, ngày tháng năm 2025
NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)

Sá Tổng, ngày 15 tháng 12 năm 2025
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)



Khoàng Thị Quê